

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

V/V: "BCTC 06 tháng đầu năm 2022 đã soát xét - Công ty mẹ và CV giải trình"

Số: 86/2022/MHC

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOẢN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP HCM
(có thể dùng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)
Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Mã chứng khoán: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0243.5770810

Fax: 0243.5770814

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Huy Quang

Địa chỉ: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024 35770810

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2022 đã soát xét - Công ty mẹ và Công văn giải trình.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/08/2022 tại đường dẫn www.mhc.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tại lieu đính kèm:

- BCTC 06 tháng đầu năm 2022

- đã soát xét - Công ty mẹ;

- Công văn giải trình số 84/2022/MHC.



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thụy Dương

Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC



BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 2 - 3 Trang

BẢO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 4

BẢO CÁO TẠI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Bảng cân đối kê toàn riêng giữa niên độ 5 - 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ 7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 8 - 9

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 10 - 32

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng ngày 30/6/2022 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 18/5/2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị		Ban Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Bá Huy	Ông Lê Việt Dũng	Ông Phạm Bá Huy	Ông Nguyễn Huy Quỳnh
Bà Nguyễn Thị Thủy Linh	Thành viên	Bà Nguyễn Thị Thủy Linh	Bà Nguyễn Thị Thủy Linh
Chủ tịch HĐQT	Thành viên	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch HĐQT
Đài diện theo pháp luật của Công ty	Thành viên	Đài diện theo pháp luật của Công ty	Đài diện theo pháp luật của Công ty
Tổng Giám đốc		Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng

3. Danh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/6/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng ngày 30/6/2022 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kê toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tính hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kê toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 32, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về việc kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Kết luận của Kiểm toán viên

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 1673-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tài ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ THUYẾT MINH	30/6/2022	01/01/2022
TÀI SẢN NGẮN HẠN		100	106.388.284.643
Tiền và các khoản tương đương tiền		110	10.137.729.268
Tiền		111	10.137.729.268
Các khoản tương đương tiền		112	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn		120	3.300.821.474
Chứng khoán kinh doanh		121	3.414.891.474
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122	(114.070.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	33.395.367.502
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	347.722.843
Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	179.761.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	240.921.173
Phải thu ngắn hạn khác		136	50.000.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	30.471.241.259
Hàng tồn kho		140	(59.070.000)
Hàng tồn kho		141	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	-
Tài sản ngắn hạn khác		150	11.948.918.626
Chi phí trả trước ngắn hạn		151	-
Thủê GTGT được khấu trừ		152	11.344.846.473
Thue và các khoản phải thu Nhà nước		153	604.072.153
TÀI SẢN DÀI HẠN		200	542.064.602.413
Các khoản phải thu dài hạn		210	32.973.132.453
Phải thu dài hạn khác		216	32.973.132.453
Tài sản cố định		220	5.860.588.898
Tài sản cố định hữu hình		221	4.947.159.188
- Nguyên giá		222	7.920.159.963
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	2.973.000.775
Tài sản dở dang dài hạn		240	107.320.920.569
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241	161.384.753.254
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270	648.452.887.056
Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		242	107.320.920.569
Đầu tư tài chính dài hạn		250	337.416.713.555
Đầu tư vào công ty con		251	347.640.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252	1.734.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	10.950.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254	(22.907.286.445)
Tài sản dài hạn khác		260	-
Chi phí trả trước dài hạn		261	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	MÀ THUYẾT	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	-	101.054.482.787	101.054.482.787
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	39.758.665.870	39.758.665.870
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	-	1.083.605.405	1.083.605.405
Giá vốn hàng bán	11	-	1.548.499.810	1.548.499.810
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	-	269.803.864	269.803.864
Chi phí bán hàng	23	-	44.993.827.677	44.993.827.677
- Trong đó: Chi phí lãi vay	22	6.2	19.632.086.029	19.632.086.029
Chi phí tài chính	21	6.1	452.018.100	452.018.100
Doanh thu hoạt động tài chính	31	6.3	957.222.294	957.222.294
Thu nhập khác	32	6.4	60.704.539.401	60.704.539.401
Chi phí khác	40	-	11.763.387.636	11.763.387.636
Lợi nhuận khác (40=31-32)	50	6.6	(30.852.498.517)	(30.852.498.517)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51	-	48.941.151.765	48.941.151.765
Chi phí thuế TNDN hiện hành	52	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	52)	-	-	-

Người lập biểu:  Lê Thị Lan Hương
Kế toán trưởng:  Nguyễn Huy Quang
Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022
Chủ tịch Hội đồng quản trị:  Phạm Ba Huy

PHẦN BA HUY NGUYỄN HUY QUANG LÊ THỊ LAN HƯƠNG

PHẦN BA HUY



Đơn vị tính: VND

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC
 Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà
 Trung, Thành phố Hà Nội

B 03a - DN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(30.852.498,517)	60.704.539,401
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	913.429,710	280.944,481
Các khoản dự phòng	03	25.834.007,742	(10.634,219,878)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(64.955,536)	(52.840,604)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.842.496,184)	(2.668,218,552)
Chi phí lãi vay	06	269.803,864	1.083,605,405
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(5.742.708,921)	48.713,810,253
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(9.534,640,173)	(231,072,554)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	-	-
(Tăng)/Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	2.036,883,051	(698,899,985)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	-	-
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	(82,272,199,649)	130,645,081,496
Tiền lãi vay đã trả	14	(251,457,813)	(1,082,002,665)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(570,000,000)	(977,242,841)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(184,105,895)	(170,183,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(96,518,229,400)	176,199,490,704
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(1,132,776,633)	(114,549,732,470)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	53,175,091,581	5,474,095,852
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(85,000,000,000)	(173,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	143,000,000,000	112,139,163,558
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(69,300,000,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,591,005,360	2,615,013,707
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	112,633,320,308	(236,621,459,353)

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC
 Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà
 Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán 06	Kỳ kế toán 06
----------	-------	-------------	---------------	---------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG				
TẠI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	196.816.822.445	604.960.420.040
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(220.992.185.734)	(528.648.634.313)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.175.363.289)	76.311.785.727
LƯU CHUYỂN TIỀN THỪA TRONG KỶ	50		(8.060.272.381)	15.889.817.078
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.137.729.268	6.524.157.592
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		52.765	(8.442)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		2.077.509.652	22.413.966.228

Người lập biểu
 Kế toán trưởng
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

LE THI LAN HƯƠNG
 NGUYỄN HUY QUANG
 PHẠM BÀ HUY

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 18/5/2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận hàng hóa;
- Buôn bán xuất khẩu và nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Lai dắt tàu biển, bóc xếp hàng hóa và container;
- Đại lý Hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuê hải quan.

1.4. Chụ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chụ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cầu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 12 người (tại ngày 31/12/2021 là: 17 người).

Các công ty con tại ngày 30/6/2022, bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư MHC	Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	99,00%	99,00%
2	Công ty Cổ phần MHC Land	Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	99,00%	99,00%
3	Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Tầng 6, tòa nhà Hải An, đường Đình Vũ, Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính
 Các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/6/2022, bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
1	Công ty TNHH Hàng hải Walliem Việt Nam (*)	Số 144-146 đường Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM	51,00%	51,00%

(*) Công ty Cổ phần MHC sở hữu 51,00% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Walliem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự đồng nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" thay vì "Đầu tư vào các công ty con".

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét, và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc ngày 30/6/2022

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính

3. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Bảo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chỉnh sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chỉnh sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chỉnh sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ tài chính giữa niên độ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bản chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TẠI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kê toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá gốc.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày danh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liên kế gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kê toàn gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường chứng khoán.

trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày danh giá giá trị chứng khoán. Tầng, giám sát dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp năm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty năm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHỖ CHỈNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày báo cáo được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tồn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận tên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Có tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Có tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Có tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tồn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tồn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con của đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Ký kê toàn 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn công cụ chỉ phi trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Có tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Có tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Có tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tồn tại cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tồn tại đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phân ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phân ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoài tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kê toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lại, là phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Phương tiện vận tải, tuyến dẫn 05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 năm

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tố phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữ lại công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kê toản, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phân ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất nhưng tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thành dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của tái phiếu chuyển đổi khi đảo hạn. Chi phí phát trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thành dư vốn cổ phần. **Vốn khác của chủ sở hữu:** Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ:

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phân ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thành dư vốn cổ phần".

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phí tiên năm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiên tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phí tiên tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.14 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.15 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, ... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của kỳ báo cáo.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Các doanh nghiệp kê cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Các bên có liên quan bao gồm:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định về chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

4.19 Các bên liên quan

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo địa lý.

4.18 Bảo cáo theo bộ phận

Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin về lãi trên cơ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lãi cơ bản trên cơ phiếu được trình bày cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cơ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số phiếu đang lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cơ phiếu được trình bày cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cơ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cơ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi cơ bản trên cơ phiếu được trình bày cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cơ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cơ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.17 Lãi trên cơ phiếu

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Thuế thu nhập hoãn lại hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Ký kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)		Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022		Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính	
5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5.1. Tiền	Tiền mặt	43.281.822	63.655.696	
		Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.034.227.830	10.074.073.572	
		Cộng	2.077.509.652	10.137.729.268	
			VND	VND	
			30/6/2022	01/01/2022	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu	85.687.091.123	69.123.131.250	(21.518.663.489)	3.414.891.474	8.551.053.500	(114.070.000)
TCT Cổ phần Dầu tự và Phát triển KCN Dầu khí	43.815.625.000	24.975.000.000	(18.840.625.000)	-	-	-
- Long Sơn	-	-	-	-	-	-
Tổng công ty IDICO - Công ty cổ phần	25.042.097.160	25.150.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	9.029.482.382	7.885.129.000	(1.144.353.382)	3.414.730.000	3.300.660.000	(114.070.000)
Giá trị cổ phiếu khác	7.799.886.581	11.113.002.250	(1.533.685.107)	161.474	5.250.393.500	-
Tổng giá trị trái phiếu	-	-	-	-	-	-
Cộng	85.687.091.123	69.123.131.250	(21.518.663.489)	3.414.891.474	8.551.053.500	(114.070.000)

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Số dư tại ngày 01/01/2022	(114.070.000)
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	(21.540.239.073)
Hoàn nhập dự phòng	135.645.584
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	(21.518.663.489)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con	347.640.000.000	(21.829.355.337)		347.640.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư MHC	196.020.000.000	-	(*)	196.020.000.000
Công ty Cổ phần MHC Land	136.620.000.000	(16.545.515.306)	(*)	136.620.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải và dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	15.000.000.000	(5.283.840.031)	(*)	15.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.734.000.000	(1.077.931.108)		1.734.000.000
Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam	1.734.000.000	(1.077.931.108)	(*)	1.734.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	10.950.000.000	-		10.950.000.000
Công ty Cổ phần Giải trí và Truyền thông MHC	950.000.000	-	(*)	950.000.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	-	(*)	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	360.324.000.000	(22.907.286.445)		360.324.000.000

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong Kỳ như sau:

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Số dư tại ngày 01/01/2022	(18.477.872.192)
Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	(4.498.801.684)
Hoàn nhập dự phòng	69.387.431
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	(22.907.286.445)

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- (*) Tài ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.
- Thông tin chi tiết về các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 1.5.
 - Các giao dịch tròng yêu giữa doanh nghiệp và Công ty con, Công ty liên doanh liên kết (xem tài thuyết minh số 8.2)

5.3. Phải thu của khách hàng ngân hàng

Công ty Cổ phần Timescom Toàn Cầu	285.015.943	285.015.943
Các khoản phải thu khách hàng khác	62.706.900	62.706.900
Cộng	347.722.843	347.722.843
	VND	VND
	30/6/2022	01/01/2022

5.4. Trả trước cho người bán ngân hàng

Công ty Tư vấn Phát triển DT và Xây dựng Công ty CP SX, TM và DV Đại nguyên	65.500.000	65.500.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	32.261.000	93.421.173
Cộng	179.761.000	240.921.173
	VND	VND
	30/6/2022	01/01/2022

5.5. Phải thu về cho vay ngân hàng

Phải thu về cho cả nhân vay ngân hàng	22.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	22.000.000.000	50.000.000.000
	VND	VND
	30/6/2022	01/01/2022

(*) Các khoản cho cả nhân vay tin chấp ngân hàng có lãi suất.

5.6. Phải thu khác

Phải thu người lao động	10.028.300.000	-
Kỳ cược, kỳ quỹ	20.000.000	-
Phải thu tiền đất cọc mua	-	-
cổ phần	-	-
Phải thu tiền lai cho vay	781.890.411	427.726.028
Phải thu khác	96.763.248	23.515.231
Cộng	10.926.953.659	30.471.241.259
	VND	VND
	30/6/2022	01/01/2022

Ngân hàng	33.896.144.533	-
Dai hạn	33.896.144.533	-
Cộng	33.896.144.533	32.973.132.453
	VND	VND
	30/6/2022	01/01/2022

Phải thu người lao động	10.028.300.000	-
Kỳ cược, kỳ quỹ	20.000.000	-
Phải thu tiền đất cọc mua	-	-
cổ phần	-	-
Phải thu tiền lai cho vay	781.890.411	427.726.028
Phải thu khác	96.763.248	23.515.231
Cộng	10.926.953.659	30.471.241.259
	VND	VND
	30/6/2022	01/01/2022

Phải thu người lao động	10.028.300.000	-
Kỳ cược, kỳ quỹ	20.000.000	-
Phải thu tiền đất cọc mua	-	-
cổ phần	-	-
Phải thu tiền lai cho vay	781.890.411	427.726.028
Phải thu khác	96.763.248	23.515.231
Cộng	10.926.953.659	30.471.241.259
	VND	VND
	30/6/2022	01/01/2022

Phải thu người lao động	10.028.300.000	-
Kỳ cược, kỳ quỹ	20.000.000	-
Phải thu tiền đất cọc mua	-	-
cổ phần	-	-
Phải thu tiền lai cho vay	781.890.411	427.726.028
Phải thu khác	96.763.248	23.515.231
Cộng	10.926.953.659	30.471.241.259
	VND	VND
	30/6/2022	01/01/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.7. Nợ xấu

Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	
						Từ 3 năm	Từ 3 năm
30/6/2022			30/6/2022			59.070.000	-
01/01/2022			01/01/2022			59.070.000	-

Biên động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Số dư tại ngày 01/01/2022	Trích lập bổ sung dự phòng trong kỳ	Hoàn nhập dự phòng	Sử dụng dự phòng trong kỳ	Số dư tại ngày 30/6/2022
	(59.070.000)	-	-	-	(59.070.000)

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nguyên giá	Số dư 01/01/2022	Mua trong kỳ	Số dư 30/6/2022	Thanh lý, nhượng bán	Số dư 30/6/2022	Khấu hao trong kỳ	Số dư 01/01/2022	Số dư 30/6/2022	Giá trị còn lại	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 30/6/2022
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	VND	7.669.994.364	-	7.669.994.364	-	-	894.084.108	1.917.495.520	2.811.579.628	5.752.498.844	5.752.498.844	4.858.414.736
Thiết bị dùng cụ quản lý	VND	250.165.599	-	250.165.599	-	-	19.345.602	142.075.545	161.421.147	108.090.054	108.090.054	88.744.452
Tổng cộng	VND	7.920.159.963	-	7.920.159.963	-	-	913.429.710	2.059.571.065	2.973.000.775	5.860.588.898	5.860.588.898	4.947.159.188

5.9. Xây dựng cơ bản dở dang

Dự án nhà văn phòng	30/6/2022	01/01/2022
	107.320.920.569	161.384.753.254
Cộng	107.320.920.569	161.384.753.254

(*) Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 86.649.008 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.10. Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2022		Trong kỳ		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
+ Vay ngắn hạn	12.824.636.711	12.824.636.711	196.816.822.445	183.992.185.734	-	-
+ Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	3.320.513.000	3.320.513.000	3.320.513.000
Cộng	12.824.636.711	12.824.636.711	196.816.822.445	187.312.698.734	3.320.513.000	3.320.513.000
b) Vay dài hạn						
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (*)	76.311.785.727	76.311.785.727	-	33.679.487.000	109.991.272.727	109.991.272.727
Cộng	76.311.785.727	76.311.785.727	-	33.679.487.000	109.991.272.727	109.991.272.727

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng SGO202113391192/HDTD ngày 20/4/2021. Số tiền vay 76.311.785.727 đồng; thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất theo khung ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2022	01/01/2022
Số có khả năng trả nợ VND	9.213.808.326	9.210.127.198
Số có khả năng trả nợ VND	9.213.808.326	9.210.127.198
Công ty cổ phần tập đoàn Ecopark	5.339.349.352	5.339.349.352
Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	988.817.357	988.817.357
Phải trả cho các đối tượng khác	2.885.641.617	2.881.960.489

5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/6/2022
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	2.680.836.266	-	2.680.836.266
Thuế thu nhập cá nhân	152.878.985	118.531.852	225.895.929	45.514.908
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	152.878.985	2.802.368.118	228.895.929	2.726.351.174

b) Phải thu (chỉ tiết theo từng loại thuế)

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/6/2022
Phải thu (chỉ tiết theo từng loại thuế)				
Thuế giá trị gia tăng	574.072.153	1.144.072.153	570.000.000	600.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.000.000	-	570.000.000	600.000.000
Cộng	604.072.153	1.144.072.153	1.140.000.000	600.000.000

5.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2022	01/01/2022
Chi phí lãi vay phải trả	82.022.198	135.261.655
Các khoản trích trước khác	-	-
Cộng	82.022.198	135.261.655

5.14. Phải trả khác ngắn hạn

	30/6/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	37.882.866	39.706.760
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	19.702.350	-
Cổ tức phải trả	1.035.833.150	1.035.833.150
Công ty CP quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà Nội	1.503.000.000	1.503.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	479.970.978	479.970.978
Cộng	3.076.389.344	3.058.510.888

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2021	414.069.640.000	28.614.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	67.607.152.771	519.002.398.481
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	269.073.802	269.073.802
Số dư 01/01/2022	414.069.640.000	28.614.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	67.876.226.573	519.271.472.283
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	(30.852.498.517)	(30.852.498.517)
Số dư 30/6/2022	414.069.640.000	28.614.580.000	(1.200.000)	8.712.225.710	37.023.728.056	488.418.973.766

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2022	01/01/2022
Vốn góp của các cổ đông	414.069.640.000	414.069.640.000
Cộng	414.069.640.000	414.069.640.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	414.069.640.000	414.069.640.000
+ Vốn góp đầu năm	414.069.640.000	414.069.640.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	414.069.640.000	414.069.640.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/6/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	41.406.964	41.406.964
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.406.964	41.406.964
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ Cổ phiếu phổ thông	120	120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.406.844	41.406.844
+ Cổ phiếu phổ thông	41.406.844	41.406.844
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

d) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ tài chính:
 + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh
 + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh
 Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

5.16. Các khoản mục ngoại Bảng Cân đối kế toán

a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2022	01/01/2022
USD	105,53	105,53
VND	2.466.236	2.413.471

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Nợ khó đòi đã xử lý

Đổi tương công nợ		Nguyên nhân		30/6/2022		01/01/2022	
		Năm	số	Năm	số	Năm	số
		Giá trị	VND	Giá trị	VND	Giá trị	VND
+	Công ty TNHH Vân tại Sông	2018	328.000.000	2018	328.000.000	2018	328.000.000
+	Đào	2018	84.000.000	2018	84.000.000	2018	84.000.000
+	Công ty TNHH TM DV Phong	2018	84.000.000	2018	84.000.000	2018	84.000.000
+	Châu	2018	45.000.000	2018	45.000.000	2018	45.000.000
+	Công ty XD Công trình Đường	2018	45.000.000	2018	45.000.000	2018	45.000.000
+	thủy II	2018	447.223.065	2018	447.223.065	2018	447.223.065
+	Tàu ACHIEVER	2018	238.100.000	2018	238.100.000	2018	238.100.000
+	Công ty GNV T Quyết Tiên	2018	218.016.797	2018	218.016.797	2018	218.016.797
+	Công ty TNHH Hàng hải	2018	110.000.000	2018	110.000.000	2018	110.000.000
+	Wallen Việt Nam	2018	1.510.085.635	2018	1.510.085.635	2018	1.510.085.635
+	Công ty TNHH VT hàng công	2018	2.356.396	2018	2.356.396	2018	2.356.396
+	Công ty TNHH cao (Transvina)	2018	832.800.000	2018	832.800.000	2018	832.800.000
+	Tàu OCEAN PARK	2018	671.955.900	2018	671.955.900	2018	671.955.900
+	Bransford International Ltd	2013	832.800.000	2013	832.800.000	2013	832.800.000
+	Far Shipping Lines Pte Ltd	2013	1.007.000.000	2013	1.007.000.000	2013	1.007.000.000
+	Công ty Obayashi Việt Nam	2012	353.441.000	2012	353.441.000	2012	353.441.000
+	Công ty TNHH Đền hình Orion	2012	25.500.000	2012	25.500.000	2012	25.500.000
+	Hanel	2012	1.406.380.106	2012	1.406.380.106	2012	1.406.380.106
+	Công ty Xây dựng số 1	2020	1.406.380.106	2020	1.406.380.106	2020	1.406.380.106
+	Bùi Tiên Học	2020	1.406.380.106	2020	1.406.380.106	2020	1.406.380.106
+	Các khoản công nợ khó đòi	2012	25.500.000	2012	25.500.000	2012	25.500.000
+	khác	2012	1.406.380.106	2012	1.406.380.106	2012	1.406.380.106
	Cộng		7.279.858.899		7.279.858.899		7.279.858.899

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Doanh thu hoạt động tài chính

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
VND	VND
19.632.086.029	101.054.482.787
-	-
945.169.743	608.218.552
16.621.960.750	98.333.423.631
2.000.000.000	2.060.000.000
64.955.536	52.840.604

Lãi tiền gửi, tiền cho vay
 Lãi bán các khoản đầu tư
 Cổ tức, lợi nhuận được chia
 Lãi chênh lệch tỷ giá
 Doanh thu hoạt động tài chính khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.2. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay
Lô do thanh lý các khoản đầu tư tài chính
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh
doanh và tồn thất đầu tư
Chi phí tài chính khác
Các khoản hoàn nhập dự phòng
Cộng

6.3. Thu nhập khác

Tiền phát thu được
Các khoản khác
Cộng

6.4. Chi phí khác

Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý,
nhượng bán TSCĐ
Các khoản bị phạt
Các khoản khác
Cộng

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý
Chi phí đồ dùng văn phòng
Chi phí khấu hao tài sản cố định
Thuế, phí và lệ phí
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí khác bằng tiền
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi
Cộng

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
44.993.827.677	43.388.133.310
(205.033.015)	-
-	148.103.754
269.803.864	1.012.380.684
18.890.016.071	3.000.000
26.039.040.757	913.429.710
1.083.605.405	67.941.809
43.988.610.999	2.243.277.353
5.413.052.519	280.944.481
804.486.325	211.755.043
(11.531.089.378)	2.848.528.168
804.486.325	3.000.000
1.369.049.380	2.354.336.887
40.191.014	366.118.250
1.409.240.394	(4.516.183.019)
50.000	1.548.499.810
50.000	-
-	-
1.102.673.559	1.102.673.559
-	-
451.900.000	452.018.100
118.100	-
451.900.000	-

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.763.387.636
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.763.387.636

6.7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	28.800.000.000
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	76.311.785.727
Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phần	-
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	196.816.822.445
Cộng	604.960.420.040

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	65.800.000.000
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-
Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-
Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phần loại là	-
Tiền trả nợ phải trả	-
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	155.192.185.734
Cộng	220.992.185.734

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1. Nhưng sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

8.2 Thông tin về các bên liên quan

a) Thông tin về các bên liên quan

TT Tên bên liên quan

- 1 Công ty Cổ phần Đầu tư MHC
- 2 Công ty Cổ phần MHC Land
- 3 Công ty TNHH MTV Vân tãi và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng
- 4 Công ty TNHH Hàng hải Vallem Việt Nam
- 5 Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
Ông Phạm Bá Huy	Chủ tịch HĐQT	388.218.600	403.200.000
Bà Nguyễn Thị Thủy Linh	Thành viên HĐQT	166.320.000	241.120.000
Ông Lê Việt Dũng	Kiểm Tổng Giám đốc	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Tú Uyên	Thành viên HĐQT	48.000.000	29.600.000
Bà Nguyễn Thủy Nga (miền)	Thành viên HĐQT	-	24.000.000
Bà Nguyễn Tú Uyên (nhiệm ngày 03/6/2022)	Trưởng ban KS	22.064.516	24.000.000
Bà Nguyễn Tú Uyên	Trưởng ban KS	6.064.516	-
Bà Trần Thị Nhiên	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Thơm	Thành viên BKS	9.935.484	12.000.000
Ông Nguyễn Huy Quảng	Thành viên BKS	197.785.800	209.496.000
Cộng	Kế toán trưởng	850.388.916	979.416.000

c) Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
1	Công ty Cổ phần MHC Land	Công ty con	VND	VND
-	Góp vốn		-	69.300.000.000

8.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin về tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biên

(Signature)

LÊ THỊ LAN HƯƠNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN HUY QUẢNG

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

PHẠM BÁ HUY



(Signature)



Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần MHC (Mã chứng khoán MHC) giao dịch trên Sở GDCK TP.HCM, xin được giải trình kết quả kinh doanh trên BCTC 06 tháng đầu năm 2022 đã soát xét của Công ty mẹ như sau:

Kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2022 đã soát xét:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 06 tháng đầu năm 2022: 0 VND
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 06 tháng đầu năm 2021: 0 VND
- Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2022: - 30.852.498.517 VND
- Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2021: 48.941.151.765 VND

Giải trình kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2022 đã soát xét của Công ty:

Lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2022 giảm và bị lỗ so với cùng kỳ năm ngoái là do: Doanh thu hoạt động tài chính 06 tháng đầu năm 2022 giảm đồng thời Chi phí hoạt động tài chính (dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh) tăng so với cùng kỳ năm trước. Sự biến động này chủ yếu phát sinh từ hoạt động đầu tư tài chính, kinh doanh chứng khoán.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban KS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Phạm Bá Thủy
CHỦ TỊCH HĐQT